

# Bảng cân đối kế toán (Ngày 31 tháng 12 năm 2006)

Đơn vị tính: VND

<b>SỬ DỤNG VỐN</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I- Tiền mặt tại quỹ, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý</b>	<b>226.584</b>	<b>50.054</b>
<b>II- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà Nước</b>	<b>49.422</b>	<b>50.110</b>
<b>III- Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác</b>		
<b>IV- Tiền gửi tại TCTD trong nước và ở nước ngoài</b>	<b>1.138.800</b>	<b>92.058</b>
<b>V- Cho vay các TCTD khác</b>		
1- Cho vay các TCTD khác		
2- Dự phòng rủi ro		
<b>VI- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước</b>	<b>2.040.997</b>	<b>1.247.094</b>
1- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	2.047.541	1.248.829
2- Dự phòng rủi ro	(6.544)	(1.735)
<b>VII- Các khoản đầu tư</b>	<b>125.664</b>	<b>78.920</b>
1- Đầu tư vào chứng khoán	109.807	69.763
- Đầu tư vào chứng khoán	109.807	69.763
- Dự phòng giảm giá chứng khoán		
2- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	15.857	9.157
<b>VIII- Tài sản</b>	<b>61.513</b>	<b>58.501</b>
1. Tài sản cố định	61.436	58.436
- Nguyên giá TSCĐ	75.868	68.429
- Hao mòn TSCĐ (***)	(14.432)	(9.993)
2. Tài sản khác	77	65
<b>VIII. Tài sản có khác</b>	<b>241.460</b>	<b>28.507</b>
1. Các khoản phải thu	205.563	14.051
2. Các khoản lãi, phí phải thu	27.936	6.255
3. Tài sản "có" khác	8.004	8.201
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác	(56)	(43)
<b>Tổng Cộng Tài Sản</b>	<b><u>3.884.440</u></b>	<b><u>1.605.244</u></b>

<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>I- Tiền gửi của KBNN và TCTD khác</b>	<b>1.081.897</b>	<b>138.720</b>
1. Tiền gửi của KBNN		
2. Tiền gửi của TCTD khác	1.081.897	138.720
<b>II- Vay NHNN, TCTD khác</b>	<b>156.344</b>	<b>49.000</b>
1. Vay NHNN	11.000	19.000
2. Vay TCTD trong nước	145.344	30.000
3. Vay TCTD ở nước ngoài		
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		
<b>III- Tiền gửi của TCKT, dân cư</b>	<b>1.894.749</b>	<b>1.185.195</b>
<b>IV- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà Ngân hàng chịu rủi ro</b>	<b>24.638</b>	<b>18.810</b>

<b>V- Phát hành giấy tờ có giá</b>		
<b>VI- Tài sản "nợ" khác</b>	<b>127.799</b>	<b>27.595</b>
1- Các khoản phải trả	81.815	4.334
2- Các khoản lãi, phí phải trả	43.906	22.045
3- Tài sản "Nợ" khác	2.078	1.216
<b>VII- Vốn và các quỹ</b>	<b>599.013</b>	<b>185.924</b>
1- Vốn của TCTD	550.036	150.036
- Vốn điều lệ	550.000	550.000
- Vốn đầu tư XDCB	10	10
- Vốn khác	26	26
2- Quỹ của TCTD	9.837	6.764
3- Lãi/Lỗ	39.140(*)	29.124(**)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b><u>3.884.440</u></b>	<b><u>1.605.244</u></b>

(Ghi chú: Những chỉ tiêu có đánh dấu (\*\*\*) số liệu để dưới dạng số âm (-)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
1- Cam kết bảo lãnh cho khách hàng	39.200	4.258
2- Các cam kết giao dịch hối đoái		
3- Cam kết tài trợ cho khách hàng		
4- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý		
5- Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang quản lý tại công ty		
6- Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang giao cho khách hàng thuê		